

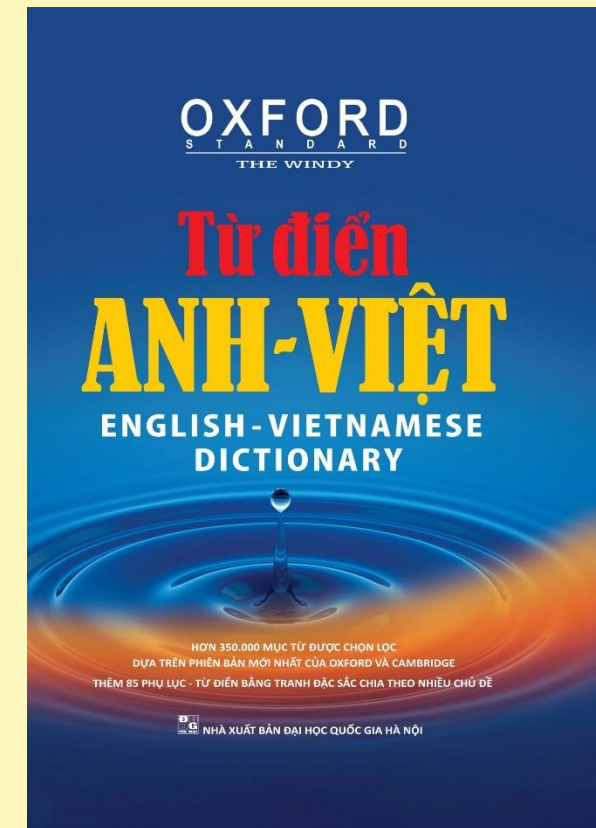
7
KHỎI
ĐỘNG



Mẹ tôi thân béo, gầy tròn
Mẹ tài nhờ có nghìn con tuyệt vời
Một người muốn hiểu mẹ tôi
Quen biết cả đời mà dễ hiểu đâu
Là cái gì?



Từ điển

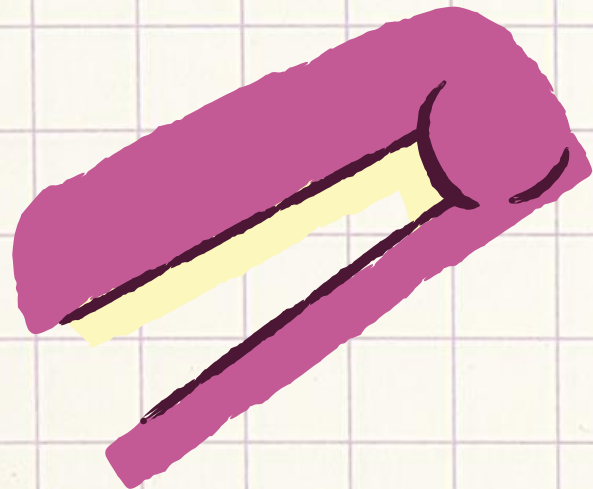
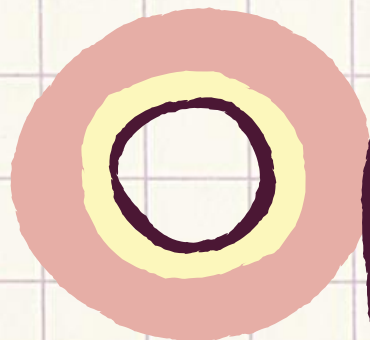
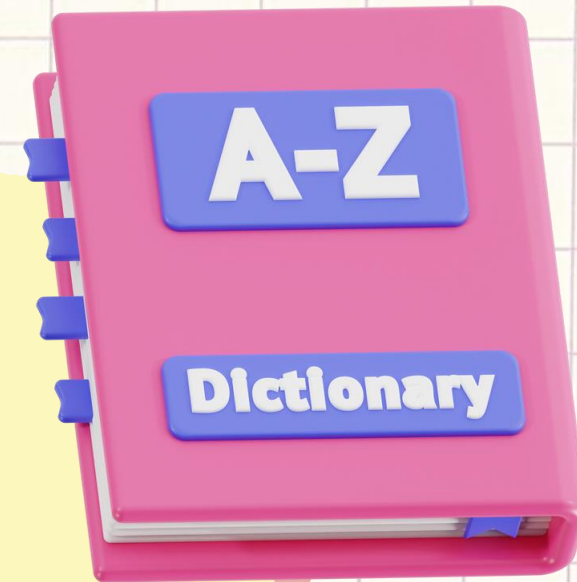
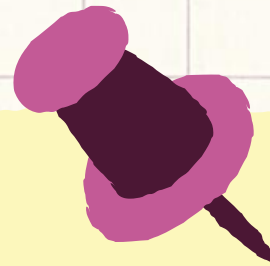


TIẾNG VIỆT 5

SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

A-Z

Dictionary

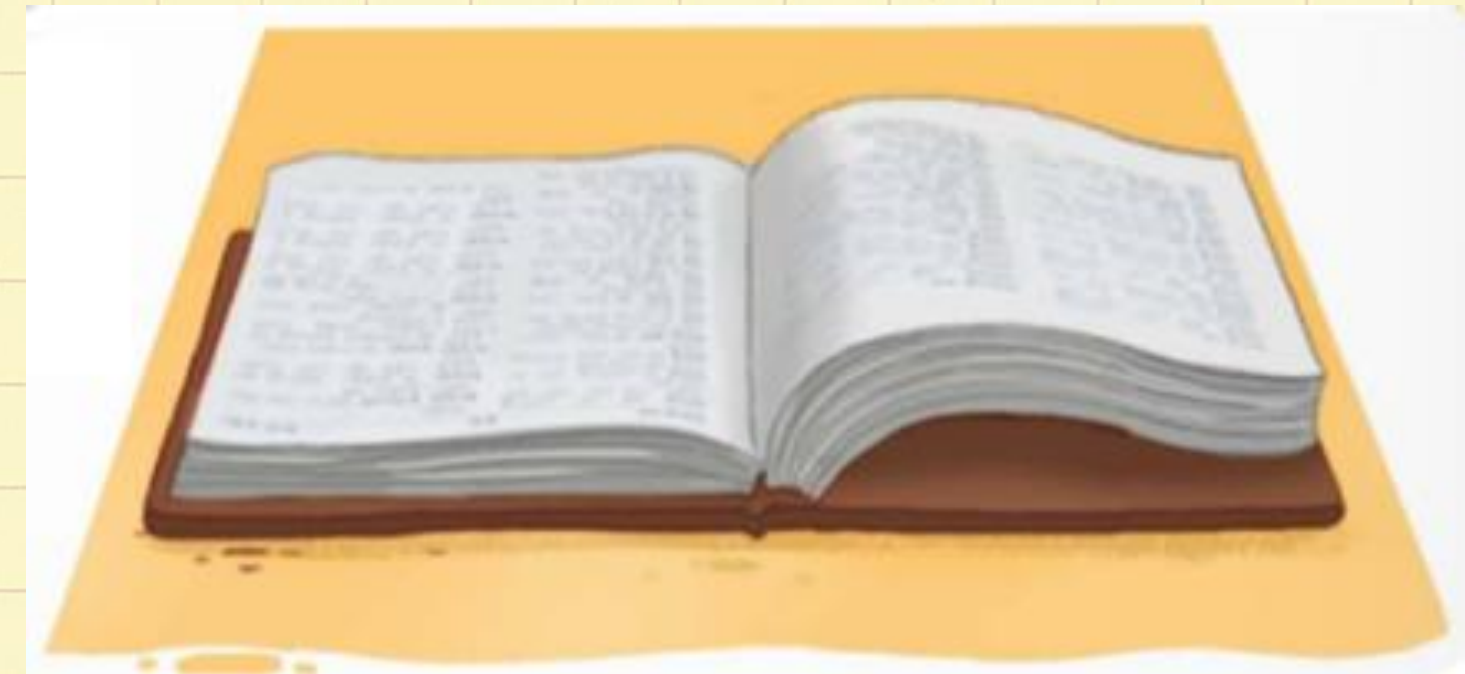


KHÁM
PHÁ



Bài 1: Sắp xếp các bước ở bài tập 1 theo trình tự tra cứu nghĩa của từ trong từ điển.

- a. Tìm từ *đọc*.
- b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.
- c. Chọn từ điển phù hợp.
- d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ *đọc*.
- e. Đọc nghĩa của từ *đọc*.





Các bước theo trình tự tra cứu nghĩa của từ trong từ điển

a. Chọn từ điển phù hợp

b. Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ Đ.

c. Chọn từ điển phù hợp.

d. Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng từ đọc.

e. Đọc nghĩa của từ đọc



2. Đọc các thông tin về từ đọc trong từ điển dưới đây và trả lời câu hỏi

Động từ

Ví dụ về cách dùng từ

Nghĩa thứ nhất (nghĩa gốc)

đọc *đqt.* **1.** Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự: *Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.* **2.** Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* **3.** Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* **4.** Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

Từ **đọc** là động từ.

a. Từ *đọc* là danh từ, động từ hay tính từ?

Động từ

Ví dụ
về cách
dùng từ

đọc *đqt.* **1.** Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự. *Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.* **2.** Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* **3.** Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* **4.** Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

Nghĩa thứ nhất
(nghĩa gốc)

Nghĩa gốc của từ
đọc là nghĩa số 1:
**Phát thành lời
những điều đã
được viết ra theo
đúng trình tự.**

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

b. Nghĩa gốc của từ *đọc* là gì?

Động từ

Ví dụ
về cách
dùng từ

đọc *đqt.* 1. Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự: **Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.** 2. Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* 3. Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* 4. Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

Nghĩa thứ nhất
(nghĩa gốc)

Từ đọc có 3 nghĩa chuyển (các nghĩa số 2,3,4) các ví dụ về cách sử dụng phần in nghiêng sau mỗi nghĩa

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

c. Từ đọc có mấy nghĩa chuyển?

Động từ

Ví dụ
về cách
dùng từ

đọc *đqt.* **1.** Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự: **Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.** **2.** Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* **3.** Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* **4.** Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

Nghĩa thứ nhất
(nghĩa gốc)

Những gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp như sau:
Nghĩa gốc được xếp đầu tiên, sau đó là các nghĩa chuyển. Với nghĩa chuyển, nghĩa nào có nghĩa sát với nghĩa gốc nhất thì xếp trước.

(Theo Thành Yển, Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh)

d. Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp như thế nào?



3. Tra cứu nghĩa của các từ dưới đây:

Học tập

Tập trung

trôi chảy

học tập: đgt:

- ✓ học và luyện tập để hiểu biết, để có kĩ năng, có tri thức kết quả học tập; siêng năng học tập.
- ✓ làm theo gương tốt: học tập lẫn nhau; học tập kinh nghiệm

tập trung: đgt:

- ✓ Dồn vào một chỗ hoặc một điểm: tập trung đồ đạc vào một chỗ; mọi người đã tập trung đông đủ (Đồng nghĩa: tập kết; Trái nghĩa: giải tán).
- ✓ Dồn sức hoạt động, hướng các hoạt động vào một việc gì: tập trung tư tưởng; tập trung giải quyết đơn từ tồn đọng

trôi chảy: đgt:

- ✓ (công việc) được tiến hành thuận lợi, không bị vấp vấp, trở ngại gì: mọi việc đều trôi chảy; công việc được tiến hành rất trôi chảy (Đồng nghĩa: suôn sẻ, trót lọt).
- ✓ (hoạt động nói năng) được tiến hành một cách dễ dàng, không có vấp vấp: đọc rất trôi chảy; trả lời trôi chảy (Đồng nghĩa: lưu loát).

4. Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3.

- Thầy cô dạy em học tập theo gương Bác Hồ, chăm chỉ, khiêm tốn.
- Bố em tập trung làm việc suốt đêm.
- Giọng đọc của diễn viên rất trôi chảy.



VÂN
DUNG





Đi nhanh – Đi đúng

LUẬT CHƠI

- + GV chọn một số từ ngữ gốc và yêu cầu chuyển thành nghĩa chuyển
- + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
- + Yêu cầu các nhóm cùng nhau được nghĩa chuyển của từ đó.



TẠM BIỆT VÀ

HẸN GẶP LẠI

